

**CÔNG TY TNHH SS NANO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SS NANO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SS NANO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SS NANO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110570884

**3. Ngày thành lập:** 13/12/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn An Đà, Xã An Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967878656

Fax:

Email: [nguyenvanquynhhy7@gmail.com](mailto:nguyenvanquynhhy7@gmail.com) Website: [www.ss-nano.com](http://www.ss-nano.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động của các đấu giá viên)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn các sản phẩm từ plastic<br>- Bán buôn nguyên vật liệu ngành nhựa                                                                                                                                                                                      | 4669(Chính) |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310        |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                    | 2013 |
| 11. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                          | 2022 |
| 12. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220 |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                    | 4791 |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                    | 4933 |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>(loại trừ hoạt động vận tải hàng không)    | 5229 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 19. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 3290 |
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN GIANG | Việt Nam  | Thôn An Đà, Xã An Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 2.000.000.000         | 20,000    | 001094029439                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN QUỲNH | Việt Nam  | Thôn An Đà, Xã An Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 8.000.000.000         | 80,000    | 001099013930                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUỲNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/05/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001099013930

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn An Đà, Xã An Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn An Đà, Xã An Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội